



André Malraux

## André Malraux và Việt Nam

Vĩnh Đào

Khi **André Malraux** bước lên chiếc tàu *Angkor* tại hải cảng Marseille một ngày tháng 10 năm 1923 để thực hiện một chuyến du hành dài sang Đông Dương, ông chưa được 22 tuổi tròn. Sau này, có ngày ông nói với Julien Green: *"Từ 18 đến 20 tuổi, cuộc đời như một thị trường chứng khoán; người ta mua chứng khoán không phải với tiền mà với hành động. Một số lớn người ta không mua gì hết..."* [1] Tự áp dụng cho mình phương châm đó, Malraux lúc còn đang tuổi thanh niên quyết định lao mình vào một cuộc phiêu lưu tại một miền đất xa xôi, trong rừng sâu Đông Dương, với mục đích đi tìm vết tích của đền Banteay Srey.

André Malraux sau này trở thành một trong những nhà văn lớn nhất và có ảnh hưởng nhất của nền văn học Pháp thế kỷ 20. Ông không những là một nhà văn, ông còn là một nhà hoạt động, một kẻ phiêu lưu, một nhà tư tưởng, một chuyên gia về nghệ thuật cổ của Trung Đông, châu Phi, châu Á... Những tiểu thuyết đầu tiên của ông khiến ông nổi danh trên văn đàn Pháp lấy bối cảnh là những cuộc đấu tranh cách mạng tại Trung quốc khiến cho André Malraux có tiếng là một người am hiểu về khung cảnh chính trị, văn hóa của châu Á. Nhiều bài nghiên cứu, nhiều công trình đại học đã bàn đến ảnh hưởng của Trung quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... trên tư tưởng và tác phẩm của Malraux. Ít ai nhắc đến Việt Nam, có lẽ vì cho đến thập niên 1940, Việt Nam vẫn còn là một thuộc địa của Pháp; đất nước Việt Nam nhỏ, không sánh được với những nền văn minh lâu đời và đồ sộ trên lục địa châu Á như Trung quốc, Nhật Bản, Ấn Độ... Nhưng thật ra, khi Malraux khám phá châu Á lúc ông còn là một thanh niên hơn 20 tuổi, mảnh đất đầu tiên ông đặt chân tới là Việt Nam, và những kinh nghiệm sống và hoạt động của ông trong thời gian tại Việt Nam đã ảnh hưởng một cách quyết định trên tư tưởng chính trị của Malraux và định hướng cho con đường hoạt động cách mạng và chính trị của ông sau này.

### **Cuộc mạo hiểm đi tìm vết tích đền Banteay Srey**

Lý do của cuộc mạo hiểm trong rừng sâu ở Đông Dương có thể trước hết là vấn đề tài chính. Năm 1921, Malraux vừa làm quen với một thiếu nữ con một gia đình giàu có gốc Đức Do Thái tên là Clara Goldschmidt, mà ông cưới làm vợ vài tháng sau đó. Hai vợ chồng thực hiện nhiều chuyến du lịch tại châu Âu, trong khi Malraux tiếp tục công việc cộng tác với các nhà xuất bản tại Paris. Ông đem tiền của vợ đầu tư tại thị trường chứng khoán, không may bị thua lỗ và tài sản của hai vợ chồng tan biến theo mây khói. Vào lúc đó, một số cổ vật Đông phương xuất phát từ các di tích lịch sử tại Đông Dương đã xuất hiện khá nhiều tại các cửa hàng đồ cổ và các phòng bán đấu giá tại châu Âu. Các đồ vật cổ này càng lúc càng được giá.

Trong những năm sau này, khi làm việc để mưu sinh tại một số nhà sách và nhà xuất bản tại Paris, Malraux chú trọng rất nhiều đến nghệ thuật châu Á. Một bài khảo cứu đăng trong tập san của Trường Viễn Đông Bác Cổ (E.F.E.O.) [2] chắc chắn đã được ông đọc rất kỹ. Tác giả bài viết tên Henri Parmentier khẳng định rằng giữa nghệ thuật các đền khmer cổ nhất của thế kỷ thứ VII và thứ VIII, và nghệ thuật "cổ điển" của các đền tháp tại Đế Thiên Đế Thích 5 thế kỷ sau đó, có một giai đoạn chuyển tiếp gọi là "nghệ thuật Indravarman". Henri Parmentier nghiên cứu 12 di tích qui tụ các đặc điểm của giai đoạn chuyển tiếp đó, trong đó có di tích Banteay Srey.

Di tích Banteay Srey đã được tình cờ khám phá năm 1914 do một viên trung úy của Sở Địa chất. Henri Parmentier viếng di tích này năm 1916. Di tích không rộng nhưng phẩm chất các tượng trang trí rất cao về mặt nghệ thuật. Nhưng đền bị đổ nát qua thời gian, rễ các cây cổ thụ quấn chặt công trình xây cất. Malraux đoán biết được giá trị các pho tượng tại di tích này và ông quyết định thực hiện một cuộc thám hiểm khảo cổ. Theo ông, đền Banteay Srey là một di tích bỏ hoang, không thuộc về ai cả, nhưng cần phải ra tay gấp, trước khi nhà cầm quyền thuộc địa ban hành các biện pháp kiểm soát và bảo vệ gắt gao hơn các di tích lịch sử tại Đông Dương. Ông đem dự án ra bàn với một người bạn thuở niên thiếu tên Louis Chevasson và hai người đồng ý hùn hạp trong công tác này.

Trước khi thực hiện dự án, Malraux phải xin một giấy phép ở bộ Thuộc địa. Giấy phép được cấp khá dễ dàng, với điều kiện khi đến nơi phải thông báo chi tiết dự án cho nhà cầm quyền thuộc địa và cho E.F.E.O. tại Hà Nội. Dự án của André Malraux là tìm lại vết tích một con đường nối thủ đô Angkor với các tỉnh phía bắc vương quốc Khmer, thực hiện một công trình nghiên cứu nghệ thuật các đền dọc theo con đường đó.

Mùa thu 1923, André Malraux xuống tàu tại Marseille, cùng đi với vợ là Clara. Louis Chevasson lên đường hai tuần sau đó. Sau cuộc hành trình hơn ba tuần, tàu cập bến Sài Gòn. Sau vài ngày ghé bến, tàu tiếp tục đi đến Hải Phòng. Từ đó Malraux đi đường bộ đến Hà Nội và trình diện tại Trường Viễn Đông Bác Cổ. Nơi đây ông được tiếp đón một cách nghi kỵ và lạnh nhạt. Cơ quan này qui tụ những nhà sử học, địa chất học, khảo cổ học với đầy đủ tước vị và bằng cấp. André Malraux là một thanh niên tự học, chỉ đến trường hết bậc trung học, không có một mảnh bằng nào trong người. Vị quyền giám đốc E.F.E.O. nhắc lại thể lệ mới : mọi vật khám phá phải được để lại tại chỗ. André Malraux phải ký giấy cam kết để E.F.E.O. chia sẻ các khám phá và thành tựu của công tác khảo cổ mà ông sẽ tiến hành với phương tiện riêng của mình.

Rời Hà Nội, André Malraux vào Sài Gòn bằng đường bộ. Tại đó ông gặp lại Louis Chevasson, khởi hành từ Marseille hai tuần sau André và Clara. Cả ba lên đường đi Nam Vang, rồi Siem Reap và Angkor. Sau khi thuê công nhân khuân vác, Malraux cùng một đoàn khoảng 20 người lên đường hướng về phía Bắc và tìm ra địa điểm Banteay Srey như dự tính. Sau khi khai quật trong vòng một tuần, đoàn người trở về Siem Reap. André Malraux thuê tàu trở về Nam Vang theo đường thủy, mang theo một tấn hàng hóa, nhưng tàu bị chặn lại và khám xét tại Nam Vang.

## **Vụ án Malraux**

André Malraux và Louis Chevasson bị truy tố về tội tháo gở và lấy trộm di tích cổ. Hai người không bị tổng giam nhưng được lệnh túc trực để trình diện luật pháp. Một dự thẩm được bổ nhiệm để điều tra nội vụ. Tòa án yêu cầu cảnh sát Paris điều tra về quá khứ của các bị can. Phúc trình cảnh sát cho biết Malraux là tác giả của một tập sách lập dị, khó hiểu, mang tựa đề "Mặt trăng giấy" (*Lunes en papier*), qua lại với giới nghệ sĩ lãng tử ở thủ đô, cộng tác với một số tạp chí tiên phong chuyên về các trường phái nghệ thuật lập thể, dada... Tất cả hoạt động này dưới mắt cảnh sát gần như đồng nghĩa với những hoạt động đáng nghi ngờ, phá rối trị an. Kết quả điều tra cảnh sát được chuyển cho Bộ Thuộc địa và cho tòa án Nam Vang.

Sau 6 tháng điều tra, phiên xử xảy ra tại Nam Vang trong hai ngày 16 và 17/07/1924. Clara vắng mặt tại phiên tòa vì vài ngày trước đó bà đã đi Sài Gòn để trở về Paris, chuẩn bị vận động cho chồng trong trường hợp André Malraux bị kết án. Sau hai ngày nghị án, bản án được tuyên bố : André Malraux bị xử 3 năm tù ở và 5 năm cấm lưu trú trên lãnh thổ Đông Dương. Louis Chevasson 18 tháng tù. Các pho tượng được tháo gở được lệnh trao trả lại cho chính quyền thuộc địa. Bản án rất nặng so với tội trạng, tòa không kể đến những trường hợp giảm khinh như tuổi trẻ của các bị can, tội trạng không có gì nghiêm trọng, và nhất là qui chế pháp lý mù mờ của địa điểm Banteay Srey vì di tích này chưa hề được chính quyền thuộc địa tuyên bố là một di tích lịch sử được bảo vệ. Sau khi bản án được tuyên bố, hai bị can quyết định kháng cáo. Phiên xử trước tòa Thượng thẩm tại Sài Gòn được quyết định sẽ xảy ra vào ngày 23/09. André Malraux và Louis Chevasson rời Nam Vang về Sài Gòn để chuẩn bị ra trước tòa Thượng thẩm.

Clara Malraux về tới Paris, vận động sự ủng hộ cho Malraux trong giới văn nghệ sĩ thủ đô. Một bản kiến nghị với hơn 50 chữ ký của những nhà văn, nghệ sĩ có tiếng tăm nhất tại Paris thời đó kêu gọi khoan hồng cho Malraux, được xem là một nhà văn trẻ đầy triển vọng của văn học Pháp, mặc dù vào lúc đó, Malraux chỉ mới xuất bản một tập sách mỏng và vài bài báo trên các tạp chí. Bản kiến nghị được đăng trên tập san *Les Nouvelles Littéraires* ngày 6-9-1924.

Trong khi đó tại Sài Gòn, các báo chí Pháp ngữ, phần lớn đứng vào phe thân cận với chính quyền thuộc địa cực kỳ bảo thủ, dựng lên một chiến dịch ồn ào lên án nặng nề André Malraux. Ông được xem như là một kẻ phiêu lưu nguy hiểm, một tên trộm vô lương tâm tàn phá và hủy hoại di tích lịch sử và tác phẩm nghệ thuật cổ tại Đông Dương. Báo chí tay sai chính quyền thuộc địa đòi hỏi một bản án rất nặng để làm gương. Không khí nặng nề và bất lợi cho các bị can đến nỗi tòa quyết định dời phiên xử lại vào ngày 8/10.

Lần này, trước tòa Thượng thẩm, André Malraux chỉ bị kết án một năm tù treo, và Louis Chevasson 8 tháng tù treo. Tòa xác nhận lại lệnh hoàn trả các pho tượng cho nhà nước thuộc địa Pháp.

### Hoạt động chính trị tại Sài Gòn

Bốn ngày sau bản án của tòa Thượng thẩm, André Malraux lên tàu trở về Pháp, với ý định sẽ trở lại Đông Dương hoạt động chính trị. Là một công dân Pháp, nhưng không thuộc thành phần bảo thủ, có thể lực, mà bị đối xử bất công, gắt gao, thì theo ông nghĩ, số phận những người dân bị trị, còn bị đàn áp, đối xử tàn tệ đến mức nào? Trong thời gian 7 tuần ở lại Paris, André Malraux chuẩn bị cho việc xuất bản một tờ báo đối lập tại Sài Gòn.

Giữa tháng 1-1925, André Malraux và vợ lên tàu trở lại Đông Dương.

Vào những năm 1924-25, chế độ thuộc địa áp dụng tại Việt Nam là một chế độ hết sức khắc nghiệt đối với người dân bản xứ bị trị. Quyền lực trong tay một tập đoàn tư bản tài phiệt, nắm trong tay một chính quyền thực dân cực kỳ bảo thủ, khư khư quyết bảo vệ cho những quyền lợi của mình. Thái độ này gây căm phẫn trong các tầng lớp nhân dân; các sĩ phu yêu nước lên tiếng đòi hỏi công bằng đối xử cho người Việt Nam. Các đảng phái chính trị liên tiếp ra đời trong một bầu không khí sôi sục.

André Malraux tiếp xúc với các nhân vật đấu tranh Việt Nam, tham gia thành lập đảng Jeune Annam (Việt Nam Thanh Niên Đảng), một trong những đảng phái nhỏ mọc ra như nấm trong những năm 1924-1925. Cùng lúc, André Malraux hợp tác với luật sư Paul Monin để chuẩn bị ra mắt tờ báo *Indochine* ("Đông Dương"). Người đứng tên tờ báo với chức vụ quản lý là Maurice Dejean de la Batie, một người Pháp lai, cha đã từng là công chức cao cấp trong chính quyền thuộc địa, mẹ người Việt Nam. André Malraux và Paul Monin giữ chức đồng chủ nhiệm tờ báo. Báo ra số đầu tiên ngày 17-6-1925, và ra đều đặn trong hai tháng, cho đến ngày 14-8 năm đó, tức là ra được 49 số. Chủ trương của tờ báo thật ra không có gì là cách mạng, chỉ kêu gọi một chế độ công bằng hơn, nhân đạo hơn, cho phép người dân Việt Nam được bảo vệ bởi những luật lệ y như người Pháp, được hưởng những quyền tự do cá nhân như người Pháp. Ngay những sĩ phu Việt Nam lúc đó, như Nguyễn An Ninh cũng đòi hỏi cải cách hơn là hô hào một cuộc cách mạng đánh đổ chế độ thực dân Pháp. [3]

Phan Chu Trinh trong một bức thư gửi nhà cầm quyền Pháp đã viết : "*Chính phủ nên chọn hiền tài trao cho quyền bính, lấy lễ mà tiếp, lấy thành mà đãi, nói rộng quyền ăn nói cho các thân sĩ (...) sửa đổi luật pháp, giảm bớt sưu thuế, khuếch*



*trương công nghệ thì sĩ dân vui lòng giúp chính phủ, chứ còn ai lo toan chống cự nữa". [4]*

Tờ báo *Indochine* đề nghị nuôi dưỡng một tầng lớp trí thức ưu tú người Việt, tạo cơ hội cho thanh niên Việt Nam ưu tú có thể sang Pháp du học, cho những người này có thể nhập quốc tịch Pháp dễ dàng, và lần lần giao thêm quyền hành cho tầng lớp trí thức này. Chỉ với điều kiện này, Pháp mới có thể bảo vệ sự hiện diện lâu dài tại Đông Dương, tránh việc thanh niên Việt Nam bất mãn vì bị bạc đãi, quay sang đấu tranh cách mạng triệt để và lật đổ chế độ thực dân. Lập trường đấu tranh của nhóm tờ báo *Indochine*, cũng như của André Malraux, chỉ là một lập trường đòi hỏi cải cách xã hội, có thể nói là ôn hòa, không có gì có thể gọi là cách mạng. Nhưng chỉ với bao nhiêu đó, André Malraux đã bị liệt kê vào thành phần phá rối trị an, một phần tử xách động nguy hiểm thuộc loại cực tả, đồng hóa với các phần tử bolchevik.

Chính quyền thuộc địa tìm mọi cách gây khó khăn để ngăn cản tờ báo *Indochine* phát hành. Biện pháp sau cùng là sở mật thám Pháp đe dọa các công nhân Việt Nam làm cho nhà in phụ trách in tờ báo. Cuối cùng, nhóm biên tập tờ *Indochine* không tìm ra được một nhà in nào khác nhận in báo. Ban chủ trương chỉ còn một cách cuối cùng là in lấy tờ báo bằng những phương tiện riêng. Malraux và Monin sau khi kêu gọi sự giúp đỡ của những người quen biết, các công nhân các nhà in Saigon, ráp được một máy in thủ công. Nhưng không có các bộ chữ để có thể in báo. Vì vậy Malraux phải quyết định sang Hương Cảng vào mùa thu 1925 để mua chữ cho máy in.

Với những phương tiện chắp vá đó, Malraux và Monin cho tái bản tờ báo vào tháng 11-1925, với tên mới là *L'Indochine enchaînée* ("Đông Dương bị xiềng"). Tờ báo từ đó ra được mỗi tuần hai lần, nhưng vì thiếu thốn phương tiện và các khó khăn trong việc phát hành, nên xuất bản được cho đến ngày 24-2-1926 thì đình bản vĩnh viễn. Trước đó, vào ngày cuối năm 1925, Malraux đã lên tàu trở về Pháp.

André Malraux đã trở lại Việt Nam hồi đầu năm 1925, với ý định đấu tranh chống lại bộ máy chính quyền thực dân, đến nay chưa đầy một năm. Trong thời gian ngắn ngủi đó, Malraux đã lao vào một cuộc chiến đấu bền bỉ và gay gắt, nhưng ông nhận thấy là bộ máy chính quyền thuộc địa quá đê nèn và mạnh bạo, cuộc đấu tranh bằng báo chí của ông chỉ làm gai mắt chính quyền, không hy vọng buộc nhà nước thuộc địa cải tổ và thay đổi cách cai trị. Ông quyết định trở về Pháp, với lời hứa sẽ tiếp tục cuộc đấu tranh ngay tại đất Pháp. Ông có ý định chuyển hướng hành động và sẽ tập trung nỗ lực để báo động dư luận Pháp về những áp bức và lạm dụng của chính quyền thuộc địa tại Đông Dương. Dư luận Pháp không biết rõ những gì xảy

ra tại các thuộc địa xa xôi. Tố cáo các hành động của tập đoàn cầm quyền tại các thuộc địa để dư luận gây áp lực đòi hỏi thay đổi có thể là một phương thức đấu tranh hiệu quả hơn.

### Các tác phẩm tiểu thuyết đầu tiên

Khi Malraux trở về Pháp, tại châu Âu đã xuất hiện một hiểm họa lớn đe dọa cả tương lai của loài người, là sự manh nha bành trướng của chủ nghĩa phát-xít quốc xã tại Đức với những thủ đoạn đàn áp, cầm tù, thủ tiêu cực kỳ thô bạo. Ông lao vào một cuộc chiến đấu mới. Từ đây, André Malraux tiến hành song song cuộc đời viết văn và những hoạt động đấu tranh chính trị chống độc tài và những lực lượng hủy hoại và áp bức con người.

Quyển tiểu thuyết đầu tiên của ông được xuất bản năm 1928 với tựa đề *Les Conquistadors* ("Những kẻ chinh phục"). Quyển tiểu thuyết lấy bối cảnh cuộc nổi dậy tại thành phố Quảng Đông vào năm 1925, khi một cuộc tổng đình công vừa được ban hành để đánh vào các hoạt động thương mại với Hương Cảng, biểu tượng của sức mạnh kinh tế của đế quốc Anh tại châu Á. Cuộc tổng đình công được đặt dưới sự tổ chức và lãnh đạo của đệ tứ quốc tế, mà nhân vật điển hình là Borodine, lãnh tụ người Nga của quốc tế cộng sản tại Quảng Đông, đại diện cho nhóm người mà tác giả gọi là những "người cách mạng chuyên nghiệp". Trong số những người ngoại quốc đủ quốc tịch đến tham gia hoạt động cách mạng tại Quảng Đông, có những người mà tác giả gọi là những "kẻ phiêu lưu", những người làm cách mạng với tâm trạng những kẻ đi chinh phục, điển hình là Garine, nhân vật chính của quyển tiểu thuyết. Garine làm cách mạng không phải vì một mục tiêu đấu tranh chính trị nào, cũng không phải vì tham vọng cá nhân, mà chỉ vì cách mạng là một môi trường cho phép ông xả hết mình vào hành động, để chứng tỏ sức mạnh và quyền lực của con người không chịu khuất phục.

Theo quan điểm của André Malraux, xã hội Tây phương từ xưa sống dưới ảnh hưởng của thiên chúa giáo. Bắt đầu từ thế kỷ 18, niềm tin vào thiên chúa giáo bắt đầu lung lay. Con người phương Tây từ đây đặt niềm tin vào lý trí và tiến bộ khoa học để đem lại hạnh phúc cho con người. Nhưng cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất cho thấy là lý trí và khoa học không những không đem lại hạnh phúc mà còn có thể đưa đến những tai họa thảm khốc. Thanh niên châu Âu lớn lên sau thế chiến I, đứng trước những hoang tàn và đổ vỡ, niềm tin vào tôn giáo đã mất nên không còn những dấu mốc để nhận diện đâu là lẽ phải, đâu là ý nghĩa của cuộc sống. Thế giới trở thành càng ngày càng xa lạ, vô ý nghĩa và phi lý. Hành động là liều thuốc duy nhất giúp con người chống lại mối kinh hãi khi đứng trước một cõi đời xa lạ.

Để chống lại nỗi kinh sợ siêu hình, nhân vật của Malraux chọn lao mình vào hành động để chứng tỏ sức mạnh của một con người nổi loạn trước một thế giới phi lý, và đó là ý nghĩa tiềm ẩn của quyền tiểu thuyết "*Những kẻ chinh phục*". Trong truyện, nhân vật Garine đối chọi với Borodine, điển hình cho một đảng viên cộng sản : cứng nhắc và máy móc. Garine là một mẫu người anh hùng cá nhân, tham gia cách mạng một cách tài tử, không màng đến mục tiêu chính trị và hiệu quả đấu tranh cách mạng, và chỉ nhằm thỏa mãn những mục đích cá nhân. Tất nhiên là quan niệm này là một quan niệm xa lạ và nguy hiểm dưới mắt của những người chủ trương một nền văn nghệ "hiện thực xã hội chủ nghĩa". Vì vậy, không lạ gì khi quyền "*Những kẻ chinh phục*" bị cấm tại Liên Xô.

Năm 1930, Malraux xuất bản quyền tiểu thuyết thứ hai tên *La Voie Royale* ("Đường hoàng cung"). Quyền này được rút trực tiếp từ những kinh nghiệm của tác giả trong rừng sâu Kampuchea, trong chuyến thám hiểm đi tìm đền Banteay Srey. Hai nhân vật chính trong truyện, Claude Vannec và Perken, thực hiện một chuyến mạo hiểm trong rừng già với mục đích tìm vết tích con đường hoàng cung cũ của vương quốc khmer, và họ hy vọng tìm thấy nhiều di tích kiến trúc cổ dọc theo con đường đó. Hai người cũng muốn tìm ra một nhân vật hào hơn khác, tên Grabot, một kẻ phiêu lưu đã mất tích trong rừng sâu trong một tình huống bí hiểm.

Nhưng mục đích của Malraux không phải là viết một tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm trong rừng. Một lần nữa, ông dùng tiểu thuyết để trình bày những ý tưởng của ông về con người, về thái độ con người trước vũ trụ và ý nghĩa cuộc sống. Claude và Perken là những kẻ phiêu lưu giống như Garine trong "*Những kẻ chinh phục*". Họ lấy hành động để giải quyết những thắc mắc và trăn trở siêu hình, dùng hành động để chống lại sự phi lý của cuộc đời, chứng tỏ sức mạnh không chịu khuất phục của con người trong một cuộc chiến đấu tay đôi với định mệnh. *Định mệnh* theo quan điểm của André Malraux có một ý nghĩa đặc biệt, đó là "những lực nhằm đè nén con người dưới sự thống trị của mình, bắt buộc cho con người nhận thức được đâu là thân phận con người, và ép con người phải cam chịu thân phận mình". Thân phận con người, theo Malraux, là sống với niềm cô đơn giữa một cõi đời xa lạ, là sự bất lực trước một thế giới phi lý, là sự mất nhân cách và phẩm giá trước những áp bức của xã hội, vì nghèo đói, vì bệnh tật, vì sự đau đớn của thể xác... Để chiếm lại phẩm giá con người, nhân vật anh hùng của Malraux là một con người nổi loạn trước sự phi lý của cuộc đời đã trở thành vô nghĩa, và chứng tỏ sức mạnh của mình bằng một hành động phi thường.

Trong "*Đường hoàng cung*", nhân vật của Malraux không tham gia vào một cuộc đấu tranh cách mạng, mà tự đặt ra một hành động mạo hiểm, và dấn thân vào một



cuộc phiêu lưu đơn độc, lấy đó làm chiến trường cho một cuộc chạm trán tay đôi với định mệnh. Định mệnh ở đây được thể hiện qua một môi trường thiên nhiên hết sức hiểm độc, bệnh tật trong rừng sâu, qua sự đau đớn thể xác, những vết thương quật ngã con người... Trong cả hai tác phẩm tiểu thuyết đầu tiên của Malraux, kết quả của cuộc chiến đấu tay đôi giữa anh hùng phiêu lưu của Malraux và định mệnh là cuối cùng, nhân vật của Malraux vì bệnh hoạn, vì thương tích, phải ngưng cuộc chiến đấu. Một kết cục bi quan nói lên nỗi vô vọng của một cuộc chiến không cân bằng.

Năm 1933 quyển *La Condition humaine* ("Thân phận con người") ra đời. Quyển tiểu thuyết thứ ba của Malraux lấy lại bối cảnh là cuộc đấu tranh cách mạng tại Trung quốc, vào thời kỳ xảy ra cuộc tranh chấp giữa quân đội Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch và những lực lượng cộng sản trong thời kỳ manh nha. Quyển tiểu thuyết chấm dứt vào thời điểm xảy ra cuộc tàn sát các đảng viên cộng sản do quân đội Tưởng Giới Thạch tiến hành, trước khi Mao Trạch Đông quyết định cuộc trường chinh về phía Bắc để bảo toàn lực lượng.

Một lần nữa, tiểu thuyết của Malraux không phải là một tài liệu lịch sử, kể lại cuộc xung đột giữa các lực lượng Quốc Dân đảng và cộng sản năm 1927. "*Thân phận con người*", sau quyển "*Những kẻ chinh phục*", lại dùng bối cảnh lịch sử để trình bày quan điểm của tác giả về con người và ý nghĩa cuộc sống. Thay vì có một, hai nhân vật chính chi phối toàn bộ tác phẩm, quyển "*Thân phận con người*" dựng lên hàng chục nhân vật có tầm quan trọng ngang nhau : những chiến sĩ cách mạng, vài tên khủng bố quá khích, một nhà hiền triết Nhật, một nhân vật lập dị sống trong ảo tưởng và thêu dệt những câu chuyện hoang đường, một nhà tư bản Âu châu v.v. Một số nhân vật này vẫn bị dẫn dắt bởi những lo âu siêu hình : niềm đơn độc lẻ loi, nhận thức về sự phi lý của cuộc đời... và mỗi người tìm một phương cách giải thoát riêng cho mình. Nhưng điều mới là sự xuất hiện của những nhân vật anh hùng cách mạng. Những nhân vật này không còn bị ám ảnh vì những thắc mắc siêu hình, mà họ tìm thấy lẽ sống trong việc đấu tranh để đem lại hạnh phúc, danh dự và phẩm giá cho đồng loại của mình. Hành động có một mục đích lịch sử, trở thành một phương tiện để thay đổi trật tự xã hội, hoàn trả lại danh dự làm người, không phải cho một anh hùng đơn độc, mà cho toàn thể những người sống trong một cộng đồng. Với quyển "*Thân phận con người*", trong tác phẩm của Malraux xuất hiện một triết lý nhân bản cách mạng. Từ tình trạng suy đồi do thương tích, bệnh tật, gây ra khiến cho con người phải chịu khuất phục trước định mệnh, đến một tình trạng suy đồi do cực khổ khốn cùng, khiến con người mất hết nhân cách. Trật tự xã hội của người giàu khiến cho nhân phẩm bị chà đạp. Danh dự của người hùng cách mạng của Malraux là đứng lên chống lại một trật tự xã hội chối bỏ nhân phẩm và tìm thấy ý nghĩa cuộc sống trong cuộc chiến đấu này.

Quyển "*Thân phận con người*" được giải thưởng Goncourt cuối năm 1933, và sau này được công nhận là một trong những tác phẩm lớn nhất của nền văn học thế giới thế kỷ 20. Nhà văn 32 tuổi bỗng nhiên nổi danh, với một hào quang là kẻ trở về từ châu Á sôi sục, xa xôi và bí hiểm. Đối với xã hội Pháp vào những thập niên 1920-30, châu Á còn là một một lục địa xa vời, huyền bí, chìm trong màn sương mù của huyền thoại, tượng trưng cho phiêu lưu mạo hiểm... Những người có óc phiêu lưu đều bị thu hút, mê hoặc bởi vùng đất còn bí hiểm này. Nhiều huyền thoại được thu thập quanh tác giả quyển "*Thân phận con người*" (người đã tham gia vào hoạt động cách mạng tại Trung quốc, là ủy viên chính trị cạnh Borodine trong cuộc cách mạng Trung quốc...). Tác giả im lặng không đính chính, và huyền thoại kéo dài trong mấy thập niên, cho đến khi một học giả Hoa Kỳ, Walter Langlois, nghiên cứu tường tận về thời gian Malraux ở Đông Dương [5] và quyển tiểu sử André Malraux do Jean Lacouture viết, xuất bản năm 1973 [6], cho biết sự thật về thời gian nhà văn ở châu Á trong các năm 1924-1925. Cho đến năm Malraux viết quyển "*Thân phận con người*", ông chỉ biết có Việt Nam, và thời gian ông đặt chân lên đất Trung quốc là chỉ vồn vện mấy ngày vào mùa thu 1925 khi ông đến Hương Cảng mua bộ chữ in để có thể tiếp tục in tờ báo đối lập *Indochine*. Kinh nghiệm kể lại trong "*Thân phận con người*" về những người dân đen sống trong cảnh bần cùng, bị áp bức và chà đạp, là những kinh nghiệm sống tại Việt Nam, khi André Malraux chứng kiến những bất công và cách đối xử đàn áp mà chính quyền thực dân dành cho người dân bị trị.

Quyển "*Thân phận con người*" chấm dứt một bộ ba tác phẩm được gọi là thuộc "thời kỳ châu Á" trong văn nghiệp của Malraux. Một năm hoạt động báo chí tại Sài Gòn chưa đủ để cho André Malraux một danh hiệu là chiến sĩ cách mạng, nhưng đã chuyển hướng ý nghĩ và hành động của ông khiến cho từ nay, André Malraux sẽ dành phần lớn cuộc đời và tác phẩm của mình cho cuộc chiến đấu cho công bằng xã hội, chống lại sự áp bức, chà đạp phẩm giá con người.

Sau cuộc đấu tranh chống chính quyền thực dân tại Đông Dương, trước hiểm họa bành trướng của chủ nghĩa phát-xít, Malraux tập trung nỗ lực đấu tranh chống lại nền độc tài phát-xít đang bắt đầu hoành hành tại châu Âu. Năm 1934 ông sang Bá Linh và Liên Xô, can thiệp đòi trả tự do cho những người bị chế độ phát-xít Đức cầm tù. Năm 1935 ông cho xuất bản một quyển sách ngắn *Le Temps du mépris* ("Thời khinh bạc"), tố cáo sự khinh bạc con người của chế độ phát-xít. Nhân vật chính là một đảng viên cộng sản bị phát-xít Đức giam giữ. Đây là thời kỳ mà André Malraux đi gần với chủ nghĩa cộng sản nhất.

## **André Malraux và chủ nghĩa cộng sản**

Malraux chưa bao giờ là một đảng viên cộng sản, tuy nhiên đối với chính quyền thực dân tại Đông Dương, một chính quyền bảo thủ, khư khư ôm lấy đặc quyền, những ai bảo vệ người dân bản xứ đều được gọi chung là "bolchevik". André Malraux có tiếng, trong thời gian ông đấu tranh tại Việt Nam, là một ký giả "đỏ" bị cộng sản mua chuộc. Nhưng trong tác phẩm của mình, trước quyền "*Thời khinh bạc*" Malraux thường có những nhận xét nghiêm khắc về thái độ cứng nhắc thường thấy nơi các đảng viên cộng sản. Trong "*Những kẻ chinh phục*", André Malraux đã dựng lên hai mẫu người đối lập : Garine là một loại anh hùng cá nhân, có một ý thức cao về phẩm giá con người, hành động một cách độc lập, không chịu gò bó vào một khuôn khổ, và con người cộng sản lạnh lùng và máy móc mà Borodine là nhân vật điển hình.

Trở về châu Âu, dấn thân vào cuộc chiến đấu chống phát-xít, có lẽ ông thấy đảng cộng sản có một tổ chức hữu hiệu nhất để chống lại phát-xít Đức vào thời điểm này. Quyền "*Thời khinh bạc*" ca ngợi cuộc chiến đấu và hy sinh của một đảng viên cộng sản bị bắt vào nhà tù phát-xít. Lần đầu tiên, nhân vật chính của Malraux là một đảng viên cộng sản, hoàn toàn tuân phục và chiến đấu theo đường lối của đảng. Không lạ gì khi các nhà phê bình văn học cộng sản đón tiếp một cách nồng hậu và ca ngợi tác phẩm này : "So với quyền "*Thân phận con người*", thì "*Thời khinh bạc*" đánh dấu một bước tiến lớn trong việc thấu hiểu các vấn đề của cuộc cách mạng vô sản và chủ thuyết cộng sản" [7].

Năm 1936, nội chiến Tây Ban Nha bùng nổ. Quân đội phát-xít của tướng Franco làm đảo chánh lật đổ chính phủ cộng hòa dân cử. André Malraux không do dự, dấn thân vào cuộc chiến đấu bảo vệ nền cộng hòa Tây Ban Nha, cầm đầu một lữ đoàn quốc tế gồm những chí nguyện quân thuộc mọi quốc tịch dùng phi cơ để yểm trợ cho quân đội cộng hòa và du kích quân Tây Ban Nha trong các trận đánh chống quân của Franco. Trong cuộc chiến tranh Tây Ban Nha, lần đầu tiên André Malraux có dịp gần gũi và chạm trán với các đảng viên cộng sản.

Năm 1937, trong khi cuộc nội chiến Tây Ban Nha còn đang tiếp diễn, Malraux đã viết xong và xuất bản quyển tiểu thuyết *L'Espoir* ("Niềm hy vọng"). Quyển sách được viết với mục đích tuyên truyền cho cuộc chiến đấu cho dân chủ của phe cộng hòa tại Tây Ban Nha, nhưng tác giả cho thấy, trong hàng ngũ phe chống phát-xít có những chiến sĩ chiến đấu trong một tinh thần bảo vệ cho dân chủ, công bằng và tự do, và một số khác sẵn sàng hy sinh tất cả cho mục đích chiến thắng của họ, nghĩa là cũng không ngần ngại dùng những biện pháp độc tài, bất công, miễn là đạt được mục đích cuối cùng. Malraux tỏ ý hoài nghi về tương lai của cách mạng và nêu lên câu hỏi : cuộc chiến đấu cho tự do và phẩm giá con người còn ý nghĩa không, nếu

trong cuộc chiến đấu đó phải phản bội lại chính những lý tưởng làm mục tiêu cho cuộc chiến đấu ?

Biến cố làm cho André Malraux hoàn toàn xa rời với đảng cộng sản là Hiệp ước bất tương xâm ký kết giữa chế độ quốc xã của Hitler và chính quyền Liên Xô của Staline năm 1939.

### **Đông Dương trong hồi tưởng**

Năm 1965, trong khi làm Tổng trưởng Văn hóa cho Tổng thống De Gaulle, André Malraux thực hiện một cuộc viễn du sang châu Á bằng đường biển, mà chặng cuối là Bắc Kinh và cuộc hội kiến với Mao Trạch Đông. Trong cuộc du hành, ông ghi lại cảm tưởng và ký ức của mình. Những ghi chép trong hành trình sẽ là chất liệu để Malraux viết tập *Antimémoires* ("Phản hồi ký"), xuất bản năm 1967. Chiếc tàu *Cambodge* đến vùng châu Á và bỏ neo tại hải cảng Singapore. Đây là dịp để Malraux nhớ lại những kỷ niệm dấn thân đấu tranh tại Việt Nam.

Câu chuyện người công nhân nhà in tại Sài Gòn trở về trong ký ức của ông : do những áp lực và đe dọa của nhà nước thuộc địa, không còn nhà in nào dám nhận in tờ báo *Indochine* của cặp André Malraux và Paul Monin; hai người tìm cách ráp được một máy in thủ công, nhưng thiếu các bộ chữ để in báo. Malraux phải sang Hương Cảng vào mùa thu năm 1925 để tìm mua các bộ chữ in. Các bộ chữ được giao, nhưng lại thiếu hết các dấu sắc, huyền, mũ... cần thiết để in tiếng Pháp, vì bộ chữ mua tại Hương Cảng làm cho sách, báo tiếng Anh, không cần dấu. Nhóm chủ trương báo *Indochine* bối rối trước tình huống bất ngờ này, nhưng một buổi tối, một công nhân người Việt gõ cửa tìm đến nhà báo. Anh mở ra một gói để trên bàn, toàn là những dấu sắc, huyền... mà anh đã lấy cắp nơi nhà in anh ta làm việc để giúp Malraux có thể tiếp tục ra báo. Malraux cảm động nhìn người công nhân nhà in : nếu anh ta bị bắt gặp khi lấy cắp, anh sẽ phải ra tòa bị xét xử, không phải với tư cách một chiến sĩ cách mạng, mà như là một tên trộm tầm thường. Câu chuyện này, ông đã kể một lần đầu khi viết lời tựa cho quyển sách *Indochine S.O.S.* của Andrée Viollis, xuất bản năm 1935. Ba mươi năm sau, trong chuyến viễn du trở về chốn cũ, câu chuyện lại trở về đậm nét trong ký ức ông để nhà văn ghi lại trong quyển *Antimémoires*. Một lần nữa sau này, vào cuối năm 1972, khi ông bệnh nặng được đưa vào điều trị tại nhà thương Salpêtrière ở Paris, trong cơn mê sản giữa sự sống và cõi chết, những hình ảnh mạnh mẽ nhất đánh dấu cuộc đời ông nối tiếp nhau hiện ra rộn rã trong ký ức. Và câu chuyện người thợ in Sài Gòn lại trở về cùng với những kỷ niệm hào hùng trong cuộc đời hoạt động và chiến đấu của nhà văn, từ cuộc cách mạng Tây Ban Nha đến cuộc kháng chiến chống Đức quốc xã. Những hình ảnh này cùng với câu chuyện người thợ in được Malraux gọi lại trong

quyển *Lazare*, viết sau khi ông thoát chết sau cơn bạo bệnh, và sau này in lại trong tập tự thuật *La Corde et les souris*, xuất bản năm 1976.

Nếu câu chuyện người công nhân nhà in Sài Gòn, thật ra không có gì ly kỳ mà còn rất tầm thường nhưng lại để một dấu ấn mạnh mẽ đến như vậy trong tiềm thức của Malraux, đó là vì nó có tính cách biểu trưng cho tình huynh đệ, tình đồng chí, hay cao cả hơn là tình người. Một tình người mà những nhân vật của Malraux xem như là một khí giới để chống lại những gì là phi nhân mà trật tự xã hội hay định mệnh áp đặt để khống chế con người.

Trong lúc Malraux trở lại vùng Viễn Đông trên chiếc tàu *Cambodge*, chính sách của Tổng thống De Gaulle về một kế hoạch trung lập hóa miền Nam Việt Nam đã khiến cho bang giao giữa chính phủ miền Nam và Pháp căng thẳng. Khi tàu ghé bến Singapore, đại sứ Pháp tại Việt Nam lúc đó gọi điện tín đến André Malraux khuyên ông không nên ghé Sài Gòn. Tại Singapore, ông đáp một chuyến phi cơ bay thẳng từ Singapore sang Hương Cảng. Phi cơ băng ngang khu rừng rậm và vượt qua dãy Trường Sơn; từ cửa kính phi cơ ông nhìn thấy hải cảng Đà Nẵng và các chiến hạm Mỹ bỏ neo nằm im lìm dưới nắng.

Trong lần trở lại miền đất Đông Dương sau đúng 40 năm, André Malraux đã không có dịp đặt chân lần nữa lên thành phố Sài Gòn, nơi chứng kiến một quãng đời sôi nổi của một nhà văn trẻ, tuổi ngoài 20, nay đã trở thành Tổng trưởng Văn hóa Pháp.

Thời gian ngắn ngủi Malraux lưu lại Việt Nam đã có một ảnh hưởng quyết định trên tư tưởng và hành động của nhà văn. Từ những kinh nghiệm chứng kiến tại Việt Nam về một chính sách thực dân hà khắc đàn áp con người và cuộc đấu tranh của ông để bênh vực cho người dân bị trị tại Đông Dương, ông đã xây dựng trong tác phẩm một hệ thống tư tưởng triết lý nhân bản đề cao danh dự và phẩm giá con người, chống lại mọi thế lực tàn phá và hủy hoại niềm kiêu hãnh làm người. Trong cuộc đời hoạt động của Malraux, từ đó ông đã chọn con đường đấu tranh giải phóng con người thoát khỏi sự bất công, đàn áp, chiến đấu cho gì mà ông gọi là "công bằng xã hội". Malraux không bao giờ chối bỏ tầm quan trọng của thời gian ông ở Đông Dương trong cuộc chiến đấu sau này trong cuộc đời ông. Trong một cuộc phỏng vấn dành cho nhà văn Guy Suarès năm 1973, ông nói : "*Tôi nghĩ là trong đời tôi, Đông Dương có một vai trò thiết yếu. Khi những người bản xứ đã đứng ra bảo vệ tôi, có một cái gì đó đã chuyển hướng. Trước đó, không phải là tôi đứng phía bên kia. Phía bên kia, là sự thờ ơ. Nhưng sự gắn bó của tôi đối với - nói giản dị cho dễ hiểu - đối với sự công bằng xã hội đã phát sinh vào lúc đó". [8]*



Ông cũng nhắc lại điều này trong các tác phẩm tự thuật viết vào những năm cuối đời : "*Tôi đã được đưa đây tới Cách Mạng, theo quan niệm người ta nghĩ vào khoảng năm 1925, vì sự ghê tởm chế độ thực dân mà tôi đã biết tại Đông Dương*". [9]

André Malraux là một trong những nhà văn nhân bản lớn nhất của thế kỷ 20, có một cuộc đời hoạt động dài dẫu thân bần bĩ chiến đấu cho sự cao cả của con người trước những thử thách của định mệnh. Chúng ta không nên quên ảnh hưởng quyết định của thời gian ngắn ngủi tại Việt Nam trong hành động, tư tưởng và trong tác phẩm của ông.

## Vĩnh Đào

### Chú thích

[1] - Julien Green, *Journal I*, Plon, 1938, tr. 23

[2] - Trường Viễn Đông Bác Cổ (Ecole Française d'Extrême-Orient) được thành lập năm 1889 với mục đích "nghiên cứu khảo cổ và ngữ học trên bán đảo Đông Dương", trụ sở đặt tại Hà Nội.

[3] - Tập san *Europe*, xuất bản tại Paris, số 31, ngày 15-7-1925.

[4] - Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Toàn Thư*, Saigon, nxb Đại Nam, 1960, tr. 700. Cụ Phan Chu Trinh cũng nhắc lại những ý kiến này trong một bài báo đăng trong tờ *Indochine* ngày 29-6-1925.

[5] - Walter G. Langlois, *André Malraux, L'aventure indochinoise*, Mercure de France, 1967.

[6] - Jean Lacouture, *André Malraux, Une vie dans le siècle*, Seuil, 1973.

[7] - Tạp chí *Văn học quốc tế* của Liên Xô, số 8, 1935.

[8] - Guy Suarès, *Malraux, celui qui vient*, Stock + Plus, 1974, tr. 38.

[9] - *La Corde et les souris*, 1976, Folio, tr. 13.

---